

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2018/HNST;
Ngày: 12/4/2018.
V/v “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Loan;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Hiền Huệ;**

2. Ông **Nguyễn Văn Vẹn;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 602/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **NGUYỄN THỊ THẢO L** - sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* **ĐÀO MINH T** - sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị L có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo L trình bày:*

Chị và anh Đào Minh T cưới nhau vào năm 2006, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mê cờ bạc gây nợ, chị thấy sống chung không có hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Đào Minh Trí – sinh ngày 13/4/2009, hiện cháu đang sống với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Đào Minh Tân trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do chị L nghe lời bên gia đình chị L nói anh chơi cờ bạc mắc nợ nên chị L buồn dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, hiện anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 con tên Đào Minh Trí – sinh ngày 13/9/2009, hiện con đang sống với anh. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn thì anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Trí và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà gỗ hộp ngang 4,5m x dài 90m, mái thiết rô, vách tường, nền lát gạch, cất trên đất của cha vợ là ông Nguyễn Văn Cam, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trị giá 300.000.000 đồng. Khi ly hôn anh không yêu cầu chia căn nhà nêu trên mà để lại cho chị L.

Về nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thảo L về việc xin ly hôn và không chấp nhận yêu cầu về yêu cầu nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “Xin ly hôn”.

Xét bị đơn anh Đào Minh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị Thảo L và anh Đào Minh T cưới nhau năm 2006, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T là hôn nhân hợp pháp. Chị Thảo L xin ly hôn với anh T với lý do anh Tân mê cờ bạc gây nợ, chị thấy sống chung không có hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do chị L nghe lời bên gia đình chị L nói anh chơi cờ bạc mắc nợ nên chị L buồn dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc nên anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện anh T vẫn không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm giữa anh chị.

Tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, phía anh T muốn đoàn tụ nhưng anh T lại vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh T không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị Thảo L và anh T đều có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đào Minh Trí – sinh ngày 13/4/2009. Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Trí đang sống với anh T, anh T có nguyện vọng nuôi cháu Trí nhưng anh lại vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh T đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình, mặc khác cháu Trí có nguyện vọng muốn sống với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Trí cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và phía anh T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Chị L và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.
- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo L.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thảo L được ly hôn với anh Đào Minh T.

Về con chung: Giao cháu Đào Minh Trí – sinh ngày 13/4/2009 cho chị Nguyễn Thị Thảo L nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trí đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Đào Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thảo L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 36094 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, do vậy chị L đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện C;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

VÕ THỊ KIM LOAN

